

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 28-6-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Phương.

2. Ông Trần Văn Điệp.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 790/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Ngọc T, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1891/01, tổ 01, ấp T B, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Chị T và anh A xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Đặng Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng A tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2015 ngày 01 tháng 12 năm 2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không còn hòa hợp, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Cả hai vợ

chồng đã nhiều lần ngồi lại nhìn nhận khuyết điểm nhưng vẫn không tìm được sự đồng cảm, lắng nghe và chia sẻ. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị T và anh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/7/2016 và cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 18/11/2017. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cháu T và giao Nguyễn Hoàng B cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 07/6/2021.

Anh Nguyễn Hoàng A có ý kiến tại hồ sơ thể hiện: Việc chị T và anh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2015 là đúng. Anh và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng B, sinh năm 2016 và cháu Nguyễn Phúc T, sinh năm 2017. Anh hiện đang nuôi con chung là Nguyễn Hoàng B, chị T đang nuôi cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Nay chị T khởi kiện ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh và chị T không có nợ chung, không có tài sản chung. Anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh A. Về con chung: Giao Nguyễn Hoàng B cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Đặng Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A hiện đang sinh sống và thường trú tại ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”; nguyên đơn là chị Đặng Ngọc T, bị đơn là anh Nguyễn Hoàng A và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Chị T và anh A đều có đơn, ý kiến xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh A.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Ngọc T và anh Nguyễn Hoàng A có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyền số 01/2015 ngày 01/12/2015, việc kết hôn do cả hai tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh A do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình lấy lời khai, anh A có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh A đã có mâu thuẫn. Chị T và anh A thực tế đã sống ly thân, chị T nuôi cháu T và đang sống cùng cháu T, anh A đang sống cùng Nguyễn Hoàng B và nuôi Nguyễn Hoàng B tại nhà riêng ở ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chị T nộp đơn khởi kiện ly hôn, dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh A đều không chấp hành. Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ cơ sở xác định giữa chị T và anh A đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh A là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Chị T và anh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/7/2016 và cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 18/11/2017.

Tại hồ sơ thể hiện, chị T có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 18/11/2017, đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/7/2016 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng; anh A cũng thừa nhận đang nuôi Nguyễn Hoàng B và giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét việc giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, Nguyễn Hoàng B cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Chị T và anh A được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Đặng Ngọc T đối với anh Nguyễn Hoàng A.

Xử cho chị Đặng Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A.

Về nuôi con chung: Chị T được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 18/11/2017; anh A được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/7/2016. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh A được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Chị Đặng Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001205 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị T và anh A được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P.
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang